

Số: 29/2019/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 09 tháng 9 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 10 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 3004/TTr-UBND ngày 28/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng:

1. Khoản 1, Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Mức quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Các cơ quan Nhà nước thực hiện chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính căn cứ mức chi cụ thể để quyết định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị theo quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực”.

2. Khoản 5, Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Điều kiện để được thanh toán công tác phí:

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị”.

3. Khoản 1; điểm a, b, d, e khoản 2 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“1. Mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác ngoài tỉnh 180.000 đồng/ngày.

2. Trường hợp đi công tác trong tỉnh (cụ ly đạt từ mức 20km trở lên) được quy định như sau:

a) Đối với đơn vị thực hiện tự chủ được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị mức 150.000 đồng/ngày/người.

b) Đối với đơn vị chưa thực hiện tự chủ mức 150.000 đồng/ngày/người.

d) Riêng đối với huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hòa An:

- Huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm: các cơ quan của tỉnh đến trung tâm huyện công tác và cán bộ huyện đến trung tâm Thành phố công tác mức 180.000 đồng/ngày/người;

- Huyện Hòa An: các cơ quan của tỉnh đến trung tâm huyện Hòa An công tác và cán bộ huyện Hòa An đến trung tâm Thành phố công tác mức 80.000 đồng/ngày/người.

e) Cán bộ huyện đi công tác tại các xã và cán bộ xã đi công tác tại huyện và các xóm:

- Đạt cự ly 10 đến 20km mức 80.000 đồng/ngày/người; trên 20km mức 130.000 đồng/ngày/người;

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đi công tác tại những nơi không có đường ô tô, không đi xe máy, xe đạp được mà phải đi bộ được vận dụng tính như sau:

+ Đạt cự ly trên 10km được thanh toán mức 120.000 đồng/ngày/người;

+ Đạt cự ly từ 5 - 10km được thanh toán mức 60.000 đồng/ngày/người.”

4. Điểm a, b, c, khoản 1; khoản 2; khoản 3, Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thanh toán theo hình thức khoán

a) Lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên: mức khoán 1.000.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác.

b) Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

- Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh, mức khoán 400.000 đồng/ngày/người;

- Đi công tác tại các tỉnh, thành phố, thị xã còn lại: mức khoán 300.000 đồng/ngày/người;

- Đi công tác trong tỉnh:

+ Từ tỉnh đến huyện mức khoán 200.000 đồng/ngày/người;

+ Từ huyện ra tỉnh mức khoán 250.000 đồng/ngày/người;

+ Từ xã đến huyện (từ 20km trở lên mà không đi về được trong ngày, phải ngủ lại nơi đến công tác) mức khoán 120.000 đồng/ngày/người;

+ Trường hợp cán bộ đi công tác tại những vùng cách xa trung tâm huyện từ 20 km trở lên mà không có nhà nghỉ, cán bộ phải ngủ qua đêm tại nơi đến công tác, điều kiện để được thanh toán phải có giấy đi đường và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã về nội dung công việc, mức thanh toán 100.000 đồng/ngày/người.

c) Trường hợp cán bộ đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hoả, ô tô) từ 18 giờ đến 24 giờ cùng ngày:

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

2. Thanh toán theo hóa đơn thực tế

a) Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh:

- Đối với các đối tượng Lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên đến 1,3 được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng;

- Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức còn lại được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 850.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

b) Đi công tác tại các tỉnh, thành phố, thị xã còn lại:

- Đối với các đối tượng Lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3 của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các chức danh tương đương được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng;

- Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức còn lại được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 650.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

c) Đi công tác trong tỉnh:

- Từ tỉnh đến huyện mức 250.000 đồng/ngày/người;

- Từ huyện ra tỉnh mức 300.000 đồng/ngày/người;

- Các vùng còn lại mức 150.000 đồng/ngày/người.”

3. Trường hợp đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới (đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức còn lại):

Thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị”.

5. Khoản 1, 2 Điều 6 được sửa đổi như sau:

“1. Đối với cán bộ xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng thì khoán mức 200.000 đồng/người/tháng.

2. Cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng...); thì tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh

phí, thù trường cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng để hỗ trợ cán bộ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị”.

6. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Chứng từ làm căn cứ thanh toán

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị”.

7. Khoản 1, 3, 4, 5, Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị. Tùy theo đối tượng các cơ quan đơn vị được giao chủ trì tổ chức quyết định mức chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên trong nước (bao gồm cả thù lao soạn thảo tài liệu) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao theo quy định cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Mức chi
1	- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương.	2.000.000 đồng/người/buổi
2	- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các chức danh tương đương; Giáo sư, Chuyên gia cao cấp, Tiến sĩ khoa học.	1.500.000 đồng/người/buổi
3	- Giảng viên, báo cáo viên là Phó chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Vụ trưởng, Phó vụ trưởng thuộc bộ, Viện trưởng và Phó viện trưởng thuộc bộ; Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó giáo sư; Tiến sĩ.	1.200.000 đồng/người/buổi
4	- Giảng viên, báo cáo viên là Giám đốc, Phó giám đốc sở, ban, ngành; Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND huyện, Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện, Thành phố; Giảng viên chính và các chức danh tương đương ở Trung ương và địa phương.	1.000.000 đồng/người/buổi

STT	Nội dung	Mức chi
5	- Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (ngoài các đối tượng trên).	800.000 đồng/người/buổi
6	- Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở cấp huyện.	600.000 đồng/người/buổi
7	- Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở cấp xã và các đối tượng khác.	500.000 đồng/người/buổi

3. Chi giải khát giữa giờ mức 20.000 đồng/01 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

a) Chi dự cuộc họp (hội nghị) do Trung ương tổ chức, mức chi hỗ trợ tiền ăn 200.000 đồng/ngày/người.

b) Dự cuộc họp (hội nghị) cấp tỉnh tổ chức, mức chi hỗ trợ tiền ăn 150.000 đồng/ngày/người.

c) Dự cuộc họp (hội nghị) cấp huyện, thành phố tổ chức, mức chi hỗ trợ tiền ăn 120.000 đồng/ngày/người.

d) Riêng cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức), mức chi hỗ trợ tiền ăn 80.000 đồng/ngày/người.

5. Chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp.

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị”.

8. Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVI, Kỳ họp thứ 10 (bất thường) thông qua ngày 09 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 9 năm 2019. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng